TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯNG HÀ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày 9-7-2019
V/v ly hôn giữa chị H và anh N

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Trần Văn Bể

2. Bà Trần Thị Nơi

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Văn Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2019/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 4 năm 2019 về việc: " Ly hôn, nuôi con chung ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXX-ST ngày 30 tháng 5 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 21-6-2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thu H, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Q, xã M, huyện H, tỉnh T.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Q, xã M, huyện H, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trìnhchuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Trần Thu H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn N kết hôn cùng nhau do đôi bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại trụ sở Uỷ ban nhân dân (viết tắt UBND) xã M, huyện H, tỉnh T vào ngày 13-10-2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày dẫn đến vợ chồng lạnh nhạt tình cảm. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là vào cuối năm 2017, vợ chồng không khắc phục được đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị

Tòa án nhân dân (viết tắt là TAND) huyện Hưng Hà giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về nuôi con chung: Chị và anh N có 01 con chung là Trần Đăng M, sinh ngày 29-11-2012, hiện con chung do chị nuôi dưỡng. Nếu ly hôn chị xin được nuôi con không yêu cầu anh N phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án anh Trần Văn N vắng mặt nên không có ý kiến trình bầy.

Tại các biên bản xác minh ngày 18-4-2019 và ngày 07-5-2019, ông Trần Đức B, sinh năm 1960, địa chỉ: Thôn Q, xã M, huyện H, tỉnh T (là bố đẻ anh N) trình bày: Anh N kết hôn cùng chị H do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện H, tỉnh T vào tháng 10 năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng anh N và chị H thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau. Mâu thuẫn căng thẳng vào tháng 10 năm 2017 vợ chồng anh N, chị H không khắc phục được đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay ông B thấy vợ chồng chị H, anh N khó có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H và anh N được ly hôn theo quy định của pháp luật; Về nuôi con chung: Chị H và anh N có 01 con chung là Trần Đăng M, sinh ngày 29-11-2012, hiện con chung do chị H nuôi dưỡng. Nếu Tòa án giải quyết cho chị H, anh N ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ông đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc gia nộp, tiếp cận không khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà gửi cho anh N, ông đã thông báo nội dung các văn bản trên cho anh N qua điện thoại, quan điểm của anh N là anh N xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn, anh nhất trí ly hôn. Vê nuôi con chung anh nhường cho chị H tiếp tục nuôi con, không góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị H. Anh N hiện nay đang làm ăn tại tỉnh B, anh không về Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà để giải quyết vụ án được, anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh, anh N không cung cấp địa chỉ nơi anh đang sinh sống và làm việc cho ông nên ông không thể cung cấp cho Tòa án được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giám sát sự tuân theo pháp luật tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định, chị H đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, anh N không thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Anh N vắng măt tại địa phương, Tòa án đã thực hiện đầy đủ việc tống đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án đối với anh N theo đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội

đồng xét xử xử cho chị Trần Thu H được ly hôn anh Trần Văn N; về nuôi con chung: giao con chung Trần Đăng M, sinh ngày 29-11-2012 cho chị H nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị H; về chia tài sản chung: Chưa giải quyết; về án phí: Chị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị Trần Thu H khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Trần Văn N, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đã tống đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án cho anh N, anh N biết việc TAND huyện Hưng Hà đang thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh N nhưng anh N đang làm ăn ở tỉnh B, không cung cấp địa chỉ cụ thể cho Tòa án, không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Chị H đề nghị Tòa án không hòa giải nên TAND huyện Hưng Hà tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ theo quy tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Trần Thu H kết hôn với anh Trần Văn N tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện H, tỉnh T vào ngày 13-10-2010, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống hòa thuận, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, trong cuộc thường xuyên xảy ra cãi nhau, chị H và anh N không khắc phục được đã sống ly thân từ cuối năm 2017. Hội đồng xét xử thấy: Chị H, anh N mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh N, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh N là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị H và anh N có 01 con chung là Trần Đăng M, sinh ngày 29-11-2012. Xét thấy con chung Trần Đăng M còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của mẹ hơn nữa anh N hiện không có mặt tại địa phương nên cần giao con chung Trần Đăng M cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh N phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị H là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về chia tài sản*: Mặc dù chị H và ông B đều trình bày: Vợ chồng chị H, anh N không có tài sản chung, không vay nợ ai, nhưng do chưa có ý kiến trực tiếp của anh N nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về phần tài sản chung của chị H và anh N tại phiên tòa hôm nay. Chị H và anh N có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản (nếu có) bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà về hướng giải quyết vụ án phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] *Về án phí*: Chị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thu H và anh Trần Văn N.

2.Về nuôi con chung: Giao cho chị Trần Thu H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Đăng M, sinh ngày 29-11-2012. Anh N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị H. Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Chưa giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thu H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005540 ngày 05-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (Chị H đã nộp đủ tiền án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Bích Thủy